

Bản án số: 56/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận

Bà Lê Thúy Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 250/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020- giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị T, sinh năm 1993; Địa chỉ: số 10 Cống Qu, phường Hòa Thọ Đ, quận Cẩm L, TP. Đà Nẵng (có mặt).

Bị đơn: Ông Dương Duy T1, sinh năm 1976; Địa chỉ: số 259 Thái Thị B, phường Chính G, quận Thanh Kh, TP. Đà Nẵng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn - bà Trương Thị T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chúng tôi kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú X, huyện Phú V, tỉnh H.

Trong thời gian sống chung với nhau thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, chồng tôi không lo làm ăn, cờ bạc, rượu chè, chơi banh nọ nần nhiều người, tôi khuyên can nhiều lần nhưng chồng tôi không thay đổi.

Từ lúc ly thân đến nay, chồng tôi không gọi điện hỏi han, không quan tâm gì mẹ con tôi, chỉ một mình tôi chăm sóc và nuôi dưỡng con chung.

Nay tôi xác định không thể chung sống với chồng tôi được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

- Về con chung: Chúng tôi có 01 người con chung là Dương Trương Minh Q, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2017.

Ly hôn, tôi là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình hòa giải tại Tòa án, bà Trương Thị T rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bà T có yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/ tháng.

** Theo Bản tự khai, các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn - ông Dương Duy T1 trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Trương Thị T kết hôn năm 2017, tại UBND xã Phú X, huyện Phú V, tỉnh H.

Trong quá trình chung sống hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn không đáng có. Nguyên nhân là do tôi làm ăn gây ra một số nợ nần nhỏ. Nay tôi thấy có thể thay đổi và khắc phục được nên tôi không đồng ý ly hôn với bà T.

- Về con chung: Tôi và bà T có 01 người con chung là Dương Trương Minh Q, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2017. Nếu phải ly hôn, tôi đồng ý cho bà T nuôi dưỡng. tôi không cấp dưỡng nuôi con nhưng tôi sẽ hỗ trợ bà T nuôi con theo cách của tôi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, ông Dương Duy T1 đồng ý với các yêu cầu về con chung nếu Tòa án xử cho ly hôn.

** Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật.*

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho bà Trương Thị T được ly hôn với ông Dương Duy T1; giao con chung Dương Trương Minh Q, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2017 cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng, ông T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/ tháng; về tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Bà Trương Thị T và ông Dương Duy T1 tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú X, huyện Phú V, tỉnh H. Theo bà T trình bày, thời gian vợ chồng chung sống xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, ông T1 không lo làm ăn, cờ bạc, rượu chè, chơi banh nợ nần nhiều người, bà T khuyên can nhiều lần nhưng ông T1 không thay đổi. Đến nay, bà T thấy không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T1.

[2] Về phía ông Dương Duy T1 xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn không đáng có. Nhưng nguyên nhân là do ông T1 làm ăn gây ra một số nợ nần nhỏ. Ông T1 thấy có thể thay đổi và khắc phục được nên tôi không đồng ý ly hôn với bà T.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Cuộc hôn nhân của bà Trương Thị T và ông Dương Duy T1 là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Đến nay, bà T cho rằng không chấp nhận được lối sống và không còn tình cảm với ông T1 nữa nên có quyền làm đơn khởi kiện xin ly hôn theo quy định của pháp luật. Ông T1 mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng thời gian từ khi bà T nộp đơn khởi kiện đến nay cũng khá lâu vẫn không có hành động cụ thể nào thể hiện thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Kết quả xác minh tại địa phương không rõ mâu thuẫn của vợ chồng bà T ông T1 nhưng hiện nay mẹ con bà T đã không còn sống chung với ông T1 nữa. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng bà T ông T1 mâu thuẫn là có thật, được hai bên xác nhận, hai người đã sống ly thân, đời sống hôn nhân thực tế không còn tồn tại, bà T khẳng định đã không còn tình cảm gì với ông T1, mục đích hôn nhân không đạt được; có kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không đem lại kết quả gì tốt đẹp cho cả hai nên cần áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Trương Thị T.

[4] Về quan hệ con chung: Bà Trương Thị T và ông Dương Duy T1 đều trình bày ông bà có 01 người con chung là Dương Trương Minh Q, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2017. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ (hai triệu đồng)/ tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông T1 không đồng ý ly hôn với bà T nhưng nếu Tòa xử cho ly hôn thì ông cũng đồng ý với các yêu cầu của bà T về vấn đề con chung.

[5] Xét yêu cầu về nuôi con chung của các bên đương sự thì thấy: Con chung đang còn nhỏ, hiện nay đang sống chung với bà T và ông T1 cũng đồng ý với các yêu cầu của bà T. Do vậy, giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông T1 cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ (hai triệu đồng)/ tháng là phù hợp với tình hình thực tế và nguyện vọng của các bên đương sự.

[6] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Thị T và ông Dương Duy T1 đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình và Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo luật định.

[8] Xét các đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp và đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 63, 147, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" của bà Trương Thị T đối với ông Dương Duy T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị T được ly hôn với ông Dương Duy T1.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 52/2017, ngày 24 tháng 7 năm 2017 của UBND xã Phú X, huyện Phú V, tỉnh H)

2. Về quan hệ con chung: Bà Trương Thị T và ông Dương Duy T1 có 01 người con chung là Dương Trương Minh Q, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2017.

- Giao con chung Dương Trương Minh Q, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2017 cho bà Trương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Ông Dương Duy T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ (hai triệu đồng)/ tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. (Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật Dân sự.)

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi về mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí sơ thẩm:

- Bà Trương Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng theo Biên lai thu số 0002032 ngày 05 tháng 6 năm 2020, đã nộp đủ.

- Ông Dương Duy T1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND X.Phú X, H.Phú V, tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai